

Số:448 /QĐ-THCS

Đông Mai, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí do nâng lương thường xuyên và nâng phụ cấp thâm
niên nhà giáo đợt 2 năm 2024 của trường THCS Đông Mai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS ĐÔNG MAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-PGD&ĐT TX Quảng Yên ngày 23/12/2024 “ Về việc phân bổ kinh phí do nâng lương và phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 2 năm 2024”;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường THCS Đông Mai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Về việc phân bổ kinh phí do nâng lương và phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 2 năm 2024 của trường THCS Đông Mai

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng nhà trường, các bộ phận, phòng ban liên quan tổ chức thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Phòng GD&ĐT;
- Văn phòng, bộ phận tài vụ;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thanh Mai

Số: 880/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí do nâng lương thường xuyên và
nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 2 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí do nâng lương thường xuyên và nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 2 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí do nâng lương thường xuyên và nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 2 năm 2024, số tiền: 1.810.200.000 đồng (Một tỷ, tám trăm mười triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

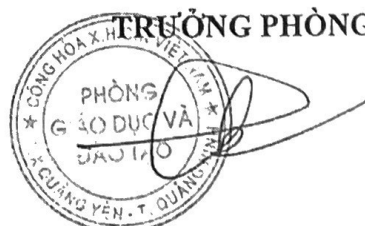
Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí tự chủ.

Điều 2. Giao các trường học tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Thúy

Phụ lục
PHÂN BỐ KINH PHÍ DO NÂNG LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN VÀ NÂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO
ĐỢT 2 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 880/QĐ-PGDĐT ngày 23/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ		
						Tổng	Trong đó	
							Nguồn NSNN cấp còn lại	Nguồn CCTL ngân sách thị xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG					1.810.200.000	1.498.190.000	312.010.000
I	Khối mầm non					219.380.000	181.620.000	37.760.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	13	9.570.000	7.910.000	1.660.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	13	2.970.000	2.460.000	510.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	13	4.210.000	3.490.000	720.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	13	25.820.000	21.390.000	4.430.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	13	13.180.000	10.920.000	2.260.000
6	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	13	480.000	400.000	80.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	13	14.570.000	12.060.000	2.510.000
8	Trường Mầm non Tiền An	1105738	622	071	13	11.590.000	9.600.000	1.990.000
9	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	13	18.690.000	15.470.000	3.220.000
10	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	13	6.350.000	5.250.000	1.100.000
11	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	13	30.290.000	25.070.000	5.220.000
12	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	13	38.480.000	31.860.000	6.620.000
13	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	13	16.730.000	13.850.000	2.880.000
14	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	13	3.910.000	3.230.000	680.000
15	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	13	620.000	510.000	110.000
16	Trường Mầm non Tiền Phong	1105748	622	071	13	2.120.000	1.760.000	360.000
17	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	13	14.630.000	12.110.000	2.520.000
18	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	13	5.170.000	4.280.000	890.000
II	Khối tiểu học					877.600.000	726.200.000	151.400.000
1	Trường Tiểu học Liên Vị	1026583	622	072	13	73.960.000	61.210.000	12.750.000
2	Trường Tiểu học Hà An	1026585	622	072	13	55.060.000	45.550.000	9.510.000
3	Trường Tiểu học Ngô Quyền	1025848	622	072	13	70.180.000	58.070.000	12.110.000
4	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	1027579	622	072	13	44.250.000	36.620.000	7.630.000
5	Trường Tiểu học Liên Hòa	1026582	622	072	13	48.260.000	39.930.000	8.330.000
6	Trường Tiểu học Minh Thành	1025853	622	072	13	131.230.000	108.630.000	22.600.000
7	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	1025852	622	072	13	78.630.000	65.040.000	13.590.000
8	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	1025844	622	072	13	18.570.000	15.360.000	3.210.000
9	Trường Tiểu học Nam Hòa	1026586	622	072	13	26.280.000	21.730.000	4.550.000
10	Trường Tiểu học Yên Giang	1026580	622	072	13	46.510.000	38.500.000	8.010.000
11	Trường Tiểu học Tiền An	1025847	622	072	13	26.750.000	22.140.000	4.610.000
12	Trường Tiểu học Tân An	1025845	622	072	13	56.840.000	47.040.000	9.800.000
13	Trường Tiểu học Đồng Mai	1026581	622	072	13	46.640.000	38.580.000	8.060.000
14	Trường Tiểu học Phong Hải	1025851	622	072	13	31.620.000	26.160.000	5.460.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ		
						Tổng	Trong đó	
							Nguồn NSNN cấp còn lại	Nguồn CCTL ngân sách thị xã
15	Trường Tiểu học Yên Hải	1026584	622	072	13	42.120.000	34.870.000	7.250.000
16	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuận	1026579	622	072	13	80.700.000	66.770.000	13.930.000
III	Khối Trung học cơ sở					686.490.000	568.300.000	118.190.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	13	40.090.000	33.190.000	6.900.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	13	70.420.000	58.290.000	12.130.000
3	Trường THCS Tiền An	1025843	622	073	13	30.010.000	24.830.000	5.180.000
4	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	13	22.330.000	18.480.000	3.850.000
5	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	13	57.190.000	47.340.000	9.850.000
6	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	13	60.960.000	50.480.000	10.480.000
7	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	13	41.900.000	34.700.000	7.200.000
8	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	13	55.010.000	45.550.000	9.460.000
9	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	13	51.690.000	42.800.000	8.890.000
10	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	13	61.960.000	51.290.000	10.670.000
11	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	13	47.470.000	39.280.000	8.190.000
12	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	13	64.370.000	53.290.000	11.080.000
13	Trường THCS Liên Vĩ	1025839	622	073	13	16.900.000	13.970.000	2.930.000
14	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	13	21.980.000	18.200.000	3.780.000
15	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	13	44.210.000	36.610.000	7.600.000
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					26.730.000	22.070.000	4.660.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong							
	<i>Tiểu học</i>	<i>1027578</i>	<i>622</i>	<i>072</i>	<i>13</i>	<i>1.200.000</i>	<i>980.000</i>	<i>220.000</i>
	<i>Trung học cơ sở</i>	<i>1027578</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>13</i>	<i>2.780.000</i>	<i>2.290.000</i>	<i>490.000</i>
2	Trường TH&THCS Cẩm La							
	<i>Trung học cơ sở</i>	<i>1130336</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>13</i>	<i>1.300.000</i>	<i>1.070.000</i>	<i>230.000</i>
3	Trường TH&THCS Sông Khoai							
	<i>Tiểu học</i>	<i>1130337</i>	<i>622</i>	<i>072</i>	<i>13</i>	<i>970.000</i>	<i>800.000</i>	<i>170.000</i>
	<i>Trung học cơ sở</i>	<i>1130337</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>13</i>	<i>3.470.000</i>	<i>2.870.000</i>	<i>600.000</i>
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân							
	<i>Tiểu học</i>	<i>1131212</i>	<i>622</i>	<i>072</i>	<i>13</i>	<i>4.220.000</i>	<i>3.490.000</i>	<i>730.000</i>
	<i>Trung học cơ sở</i>	<i>1131212</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>13</i>	<i>1.540.000</i>	<i>1.270.000</i>	<i>270.000</i>
5	Trường TH&THCS Phong Cốc							
	<i>Tiểu học</i>	<i>1133723</i>	<i>622</i>	<i>072</i>	<i>13</i>	<i>6.120.000</i>	<i>5.050.000</i>	<i>1.070.000</i>
	<i>Trung học cơ sở</i>	<i>1133723</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>13</i>	<i>5.130.000</i>	<i>4.250.000</i>	<i>880.000</i>